

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/DS-ST  
Ngày: 15-7-2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa:* Bà Đặng Thị Thùy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Hòa Ân;
2. Ông Lê Xuân Hiếu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 333/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-DS ngày 21/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân Hàng V; địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà SailingTower – 111 A Pasteur, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

- + Ông Nguyễn Thế Đ – Chức vụ cán bộ Ngân Hàng V.
- + Ông Nguyễn Trí M – Chức vụ cán bộ Ngân Hàng V
- + Ông Lê Anh P - Chức vụ cán bộ Ngân Hàng V.

Theo văn bản ủy quyền ngày 08/7/2022.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị Khánh H, sinh năm 1990 và ông Nguyễn Trọng Y, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 3, ấp R, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông M có mặt tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đ, ông P vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng V (ông M) trình bày:*

Ngân hàng V ký với bà Đặng Thị Khánh H và ông Nguyễn Trọng Y hợp đồng tín dụng số 0172/HĐTD-VIB601/18 ngày 23/01/2018 với nội dung:

- Tiền giải ngân: 370.000.000 đồng.
- Mục đích giải ngân: thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA RIO
- Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 25/01/2018 đến ngày 24/01/2023
- Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,49%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 4,19%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,19%/năm.
- Hoàn trả khoản vay gốc: hàng tháng trả gốc 6.160.000 đồng cùng với ngày trả lãi. Số tiền còn lại thanh toán vào cuối kỳ.
- Hoàn trả lãi: hàng tháng trả vào ngày 28, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 28/02/2018.
- Trả phí theo quy định của V từng thời kỳ.
- Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

VIB đã giải ngân cho bà H, ông Y theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0172/KUNN-VIB601/18 ngày 24/01/2018 với số tiền 370.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Ngày 21/12/2018 bà H, ông Y có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, V đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng bà H, ông Y với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, loại thẻ: V Financial Free, mục đích vay: Tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của V trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà H, ông Y đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 31/5/2021 bà H, ông Y đã thanh toán cho V số tiền là 171.246.776 đồng (trong đó, gốc là 122.140.000 đồng, lãi là 49.106.776 đồng).

Tạm tính đến ngày 31/5/2021 bà H, ông Y còn nợ ngân hàng V số tiền là 439.043.308 đồng, trong đó: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0172/HĐTD-VIB601/18 ngày 23/01/2018 là 439.043.308 đồng (nợ gốc là 247.860.000 đồng, nợ lãi là 43.779.080 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.867.191 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 124.537.037 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu như sau:

- Buộc bà H, ông Y trả cho Ngân hàng V số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2021 là 439.043.308 đồng, trong đó: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0172/HĐTD-VIB601/18 ngày 23/01/2018 là 439.043.308 đồng (nợ gốc là 247.860.000 đồng, nợ lãi là 43.779.080 đồng, nợ lãi quá hạn là 22.867.191 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 124.537.037 đồng.

- Yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 01/6/2021 cho đến khi bà H, ông Y thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng V yêu cầu bà H, ông Y thanh toán số tiền tính đến ngày 15/7/2022 là 510.148.348 đồng gồm: nợ gốc 247.860.000 đồng, nợ lãi 137.751.311 đồng và nợ thẻ tín dụng 124.537.037 đồng. Và Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi bà H, ông Y thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngoài ra ông M không có ý kiến nào khác.

*\* Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bà Đặng Thị Khánh H và ông Nguyễn Trọng Y biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà H, ông Y vẫn vắng mặt không có lý do.*

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Dương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng V khởi kiện bà Đặng Thị Khánh H và ông Nguyễn Trọng Y yêu cầu thanh toán số tiền vay tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 510.148.348 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0172/HĐTD-VIB601/18 ngày 23/01/2018 và dư nợ thẻ tín dụng. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà H, ông Y có nơi cư trú tại ấp R, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Theo hợp đồng tín dụng số 0172/HĐTD-VIB601/18 ngày 23/01/2018 ký giữa Ngân hàng V với bà Đặng Thị Khánh H và ông Nguyễn Trọng Y thể hiện bà H, ông Y vay của Ngân hàng V số tiền là 370.000.000 đồng nhằm mục đích mua mua 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA RIO; thời hạn vay là 60 tháng, từ ngày 25/01/2018 đến ngày 24/01/2023; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,49%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 4,19%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,19%/năm. Hàng tháng trả gốc 6.160.000 đồng cùng với ngày trả lãi hàng tháng ngày 28, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 28/02/2018. Số tiền còn lại thanh toán vào cuối kỳ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

V đã giải ngân cho bà H, ông Y theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0172/KUNN-VIB601/18 ngày 24/01/2018 với số tiền 370.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Ngày 21/12/2018 bà H, ông Y có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. theo đó, V đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng bà H, ông Y với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, loại thẻ: VIB Financial Free, mục đích vay: Tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của VIB trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà H, ông Y đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 31/5/2021 bà H, ông Y đã thanh toán cho V số tiền là 171.246.776 đồng (trong đó, gốc là 122.140.000 đồng, lãi là 49.106.776 đồng).

Nay Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà H, ông Y trả cho Ngân hàng V số tiền tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 510.148.348 đồng, trong đó: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0172/HĐTD-VIB601/18 ngày 23/01/2018 là 385.611.311 đồng (nợ gốc là 247.860.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.920.802 đồng, nợ lãi quá hạn là 134.830.509 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 124.537.037 đồng và yêu

cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi bà H, ông Y thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng cung cấp chứng cứ là Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 0172/HĐTD-VIB601/18 lập ngày 23/01/2018 có chữ ký xác nhận của bà H và ông Y; đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ có chữ ký của bà H, ông Y; đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản có chữ ký của chủ thẻ chính là bà H. Xét thấy chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp là bản chính. Bà H và ông Y thanh toán nợ đến ngày 30/9/2019 thì không thanh toán nên vi phạm mục i điểm a khoản 2 Điều 4 của điều khoản và điều kiện cấp tín dụng đính kèm hợp đồng tín dụng số 0172/HĐTD-VIB601/18 lập ngày 23/01/2018. Do đó Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà H, ông Y thanh toán nợ là phù hợp.

Theo hợp đồng tín dụng số 0172/HĐTD-VIB601/18 ngày 23/01/2018 ký giữa Ngân hàng V với bà H và ông Y thể hiện bà H, ông Y vay của Ngân hàng V số tiền là 370.000.000 đồng. Tính đến ngày 30/9/2019 thì bà H và ông Y đã trả được 171.246.776 đồng (gốc 122.140.000 đồng và lãi là 49.106.776 đồng). Nay Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà H, ông Y trả số tiền tạm tính đến ngày 15/7/2022 là 510.148.348 đồng (trong đó: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0172/HĐTD-VIB601/18 ngày 23/01/2018 là 385.611.311 đồng (nợ gốc là 247.860.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.920.802 đồng, nợ lãi quá hạn là 134.830.509 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 124.537.037 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi bà H, ông Y thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký. Bà H và ông Y đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ có liên quan nhưng không tham gia suốt quá trình tố tụng, cũng không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã cấp, tổng đạt. Do đó có căn cứ xác định Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà H, ông Y thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 15/7/2022 là 510.148.348 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 16/7/2022 cho đến khi bà H, ông Y thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H, ông Y phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho ngân hàng V.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng V đối với bà Đặng Thị Khánh H và ông Nguyễn Trọng Y.

Buộc bà Đặng Thị Khánh H và ông Nguyễn Trọng Y có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V số tiền 510.148.348 đồng (năm trăm mười triệu một trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng) (gồm: nợ gốc là 247.860.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 2.920.802 đồng (hai triệu chín trăm hai mươi nghìn tám trăm lẻ hai đồng), nợ lãi quá hạn là 134.830.509 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn năm trăm lẻ chín đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 124.537.037 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng)).

Kể từ ngày 16/7/2022, nếu bà Đặng Thị Khánh H và ông Nguyễn Trọng Y không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà Đặng Thị Khánh H và ông Nguyễn Trọng Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0172/HĐTD-VIB601/18 ngày 23/01/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng cho vay tiêu dùng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi suất mà bà Đặng Thị Khánh H và ông Nguyễn Trọng Y phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng V.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị Khánh H và ông Nguyễn Trọng Y phải chịu 24.405.934 đồng (hai mươi bốn triệu bốn trăm lẻ năm nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng V 10.780.866 đồng (mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0006944 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Thùy Linh**